TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2022/HNGĐ-ST
Ngày 16-8-2022
Về việc "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bá Lộc.

2. Bà Nguyễn Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Huyến – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 170/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Hữu D, sinh năm: 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 31/28 Ô3, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm: 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 31/28 Ô3, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Võ Hữu D trình bày:

Ông Võ Hữu D và bà Lê Thị L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1987, nhưng không đăng ký kết hôn và có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và bà L có quan hệ không trong sáng. Ông D đã nhiều lần khuyên can nhưng bà L không thay đổi và mặc dù vẫn sống chung một nhà, nhưng không còn quan tâm đến nhau mạnh ai nấy sống, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, ông D yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông D yêu cầu được ly hôn với bà L.

- Về con chung và cấp dưỡng: Vợ chồng có 03 người con chung là chị Võ Thị Ngọc A, sinh ngày 20-4-1990; chị Võ Thị Ngọc P, sinh ngày 17-11-1991 và anh Võ Hữu T, sinh ngày 28-10-1993. Hiện nay các anh chị đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không có yêu cầu gì.

- Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện đề ngày 02-6-2022, ông D yêu cầu chia tài sản chung là 01 căn nhà cấp 4 tọa lạc trên thửa đất số 58, tờ bản đồ số 125 thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 1078xx do UBND huyện Long Điền cấp ngày 02-8-2007, chỉnh lý biến động sang tên ông D, bà L ngày 29-8-2007, trị giá khoảng 800.000.000đ. Ông D yêu cầu được chia ½ giá trị tài sản theo hướng nếu như bà L có nhu cầu sử dụng nhà đất thì giao lại cho ông D 400.000.000đ hoặc bà L đồng ý giao nhà đất cho mình sử dụng thì ông D sẽ giao lại cho bà L 400.000.000đ. Tuy nhiên, đến ngày 01-8-2022, ông D có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chia tài sản chung.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị L trình bày:

Bà L xác nhận lời trình bày của ông D về việc chung sống và con chung là đúng. Theo đó, bà L và ông D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1987, nhưng không đăng ký kết hôn có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau và ông D không quan tâm đến gia đình, vợ con. Ngoài ra, ông D ghen tuông vô cớ dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không có tiếng nói chung, mặc dù vẫn sống chung một nhà nhưng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Qua yêu cầu khởi kiện của ông D về việc ly hôn, bà L có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà L đồng ý ly hôn với ông D.

- Về con chung và cấp dưỡng: Hiện nay các con đã trưởng thành và phát triển bình thường nên bà L không có ý kiến gì.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Ông D rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp tài sản chung và các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại các điều 35, 39, 68, 171, 179, 205, 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại các điều 225, 237 và 239 của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét áp dụng Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận ông D và bà L là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn xác định yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn đối với bị đơn và rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp tài sản khi ly hôn được xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông D rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chia tài sản khi ly hôn là hoàn toàn tự nguyện nên Hội

đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này, quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông D và bà L thừa nhận hai bên tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1987 có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống do cuộc sống khó khăn, chỉ tập trung làm ăn lo cho con cái và không hiểu rõ quy định của pháp luật nên không đăng ký kết hôn. Xét thấy, ông D và bà L có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông D là có cơ sở chấp nhận và do không đăng ký kết hôn nên không công nhận quan hệ giữa ông D và bà L là quan hệ vợ chồng.

[3.2] Về con chung và cấp dưỡng: Có 03 người con chung hiện nay đã trưởng thành, phát triển bình thường và không yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Ông D là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 244, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Võ Hữu D về việc yêu cầu chia tài sản khi ly hôn.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Hữu D đối với bà Lê Thị L.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Võ Hữu D và bà Lê Thị L là vợ chồng.

- Về con chung và cấp dưỡng: Không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

3. Án phí sơ thẩm: Ông Võ Hữu D phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 10.300.000 (mười triệu, ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008935 ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông Võ Hữu D đã nộp xong và được hoàn trả 10.000.000 (mười triệu) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- CCTHA dân sự huyện Long Điền;
- Lưu hồ sơ vụ án….

Võ Hoàng Đức